

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-02-2025  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thúy Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Đồi
- Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1529/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1999

Địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị Thanh N trình bày tóm tắt như sau:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2019 chị và anh Nguyễn Minh T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/2019.

Cuộc sống chung của vợ chồng không phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên la mắng, đánh đập vợ con, nghe lời người ngoài, hay so sánh vợ với người khác nên có nhiều lời lẽ xúc phạm chị, hơn nữa, hiện tại anh T đang mắc bệnh xã hội nên ảnh hưởng lớn đến cuộc sống chung của vợ chồng. Chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 10/2024 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 30/12/2021, hiện các con chung đang ở với chị. Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2024, chị yêu cầu sau khi ly hôn được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000đồng/cháu/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân ở một công ty gần nhà, thu nhập trung bình mỗi tháng 9.000.000đồng/tháng, chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung nên đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị N xác định chị và anh T không có nợ chung.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày tóm tắt như sau:*

Qua lời trình bày của chị Đoàn Thị Thanh N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống anh thống nhất. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị bệnh và phải nằm viện điều trị, trong thời gian nằm viện, chị N nhắn tin muốn ly hôn với anh nên vợ chồng có cãi vã dẫn đến ly hôn. Gia đình hai bên cũng đã gặp mặt nói chuyện nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm của vợ chồng. Khoảng giữa tháng 10/2024, chị N về nhà gia đình cha mẹ ở từ đó cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 30/12/2021, hiện các con chung đang ở với chị N. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang buôn bán đồ ăn sáng cho công nhân, thu nhập mỗi ngày khoảng 300.000đồng, hiện tại bác sĩ không cho làm nặng nên anh chưa làm việc tại công ty được, khi sức khỏe ổn định anh sẽ nộp đơn làm lại công ty. Anh nhận thấy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, anh T xác định anh và chị N không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, các bên thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn nhưng không thỏa thuận được với nhau về quyền nuôi con chung nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn trình bày: Hiện hai con chung đang ở với chị tại nhà của cha mẹ ruột, từ khi ly thân đến nay các con chung ở với chị cuộc sống đã ổn định, chị vẫn nuôi dưỡng con chung tốt, dù không có bất kỳ sự chu cấp nào từ anh T, ngoài chị còn có ông bà ngoại hỗ trợ chị trong việc chăm nom, đưa rước các cháu đi học, hiện thu nhập của chị cũng ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung nên chị yêu cầu giao hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh T đang trong quá trình điều trị bệnh nên việc giao hai con cho anh T nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển bình thường của các cháu nên chị không đồng ý giao con chung cho anh T.

Bị đơn trình bày: Hiện anh cũng đang sống tại nhà của cha mẹ ruột, thu nhập của anh cũng ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên anh yêu cầu giao hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét chị N và anh T đã không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn và anh T đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị N và anh T. Về yêu cầu nuôi con chung: Chị N và anh T đều xác định quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Anh T1, hiện các con chung đang ở với chị N. Chị N và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Thấy rằng, các cháu Tuấn A và Anh T1 hiện đang sống với chị N cuộc sống của các cháu đã ổn định, anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị N nuôi hai cháu không tốt. Căn cứ theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đề nghị giao hai con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về chia tài sản, nợ chung: Các bên xác định không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Minh T, địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/2019 (số 99/2019), nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng: Chị N xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, nên xin ly hôn. Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành, anh T cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị N. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh T đều thống nhất ly hôn, đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên cần được ghi nhận. Căn cứ quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của chị N và anh T.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị N và anh T đều xác định quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 30/12/2021, hiện các con chung đang ở cùng với chị N. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của các bên đương sự.

[2.3.1] Về điều kiện vật chất để đảm bảo nuôi dưỡng con chung: Chị N đang làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng là 9.000.000đồng và anh T hiện đang buôn bán đồ ăn sáng tại nhà thu nhập trung bình mỗi ngày là 300.000đồng, nhận thấy, hiện chị N và anh T đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Chị N và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung nếu được quyền nuôi con.

[2.3.2] Về điều kiện trông nom, chăm sóc con chung: Từ khi ly thân cho đến nay, các con chung đang sống cùng với chị N. Anh T thừa nhận rằng hai con chung được chị N chăm sóc tốt, mạnh khỏe, phát triển bình thường. Như vậy, việc giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ xáo trộn, thay đổi môi trường sống đang ổn định của các cháu. Nhận thấy, hiện hai con chung đang sống chung với chị N, cuộc sống đã ổn định, trong khoảng thời gian ly thân, dù anh T không cấp dưỡng nuôi con nhưng khả năng chị N vẫn có thể chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt, ngoài chị N thì có ông bà ngoại cùng hỗ trợ chị N chăm sóc, trông nom, đưa rước các cháu đi học. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định của hai cháu Tuấn A và Anh T1 nên giao hai cháu cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này có bên nào tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.6] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do chị N và anh T thỏa thuận tự nguyện ly hôn trước khi mở phiên tòa, chỉ tranh chấp về quyền nuôi con chung nên căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV của Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử thì các bên đương sự là chị Đoàn Thị Thanh N và anh Nguyễn Minh T phải chịu 50% mức án phí, mỗi bên phải chịu 25% mức án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh N và anh Nguyễn Minh T.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Thanh N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/02/2020 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 30/12/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 75.000đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Đoàn Thị Thanh N phải chịu 75.000đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng khấu trừ 300.000đồng (ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004092 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoàn trả cho chị Đoàn Thị Thanh N 225.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Thúy Hồng**